

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2018

Báo cáo gồm có:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Hà nội, ngày 20 tháng 04 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu số B01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58,754,054,399	58,646,781,916
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9,764,395,426	5,818,068,199
1. Tiền	111		9,764,395,426	4,818,068,199
2. Các khoản tương đương tiền	112			1,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	23,955,075,500	34,439,986,886
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2,811,755,764	7,796,667,150
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(356,680,264)	(356,680,264)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		21,500,000,000	27,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19,504,150,020	12,174,755,993
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	21,684,432,495	25,020,338,381
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		583,421,264	1,392,283,564
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		65,979,364,026	54,505,201,813
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(68,743,067,765)	(68,743,067,765)
III. Hàng tồn kho	140	9	5,506,043,061	5,600,588,516
1. Hàng tồn kho	141		30,455,769,387	30,550,314,842
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24,949,726,326)	(24,949,726,326)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		24,390,392	613,382,322
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			502,704,401
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	110,677,921
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	24,390,392	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165,747,022,211	165,913,011,428
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85,316,003	80,916,003
1. Phải thu dài hạn khác	216		49,023,556,003	49,019,156,003
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(48,938,240,000)	(48,938,240,000)
I. Tài sản cố định	220		394,230,787	441,538,480
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	394,230,787	441,538,480
- Nguyên giá	222		1,070,958,184	1,070,958,184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(676,727,397)	(629,419,704)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		95,400,000	95,400,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95,400,000)	(95,400,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		4,500,000,000	4,500,000,000
- Nguyên giá	231		4,500,000,000	4,500,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	133,558,162,847	133,520,662,847
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3,510,805,388	3,510,805,388
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		130,047,357,459	130,009,857,459
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	27,190,546,666	27,190,546,666
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		490,000,000	490,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		38,971,150,000	38,971,150,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12,270,603,334)	(12,270,603,334)
III. Tài sản dài hạn khác	260		18,765,908	179,347,432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		18,765,908	179,347,432
VII Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		224,501,076,610	224,559,793,344

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10,217,518,980	18,535,050,693
I. Nợ ngắn hạn	310		10,217,518,980	18,535,050,693
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	131,745,537	39,068,521
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,281,315,354	14,466,363,516
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3,665,423,687	25,418,413
4. Phải trả người lao động	314		131,948,000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		70,000,000	70,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		2,752,431,308	2,749,545,149
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,184,655,094	1,184,655,094
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		214,283,557,630	206,024,742,651
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	214,283,557,630	206,024,742,651
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,790,387,000	2,790,387,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3,546,600,829)	(3,546,600,829)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,300,261,084	7,300,261,084
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(165,760,489,625)	(174,019,304,604)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(174,019,304,604)	(178,915,347,219)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8,258,814,979	4,896,042,615
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		224,501,076,610	224,559,793,344

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Xuân Hán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12,068,598,182	5,429,103,355	12,068,598,182	5,429,103,355
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-02)	10		12,068,598,182	5,429,103,355	12,068,598,182	5,429,103,355
4. Giá vốn hàng bán	11		3,299,591,320	5,240,106,606	3,299,591,320	5,240,106,606
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV (20=10-11)	20		8,769,006,862	188,996,749	8,769,006,862	188,996,749
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,426,571,730	1,278,297,758	2,426,571,730	1,278,297,758
7. Chi phí tài chính	22		16,505,929	(168,850,519)	16,505,929	(168,850,519)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			22,177,778		22,177,778
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,475,070,870	949,527,815	1,475,070,870	949,527,815
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30		9,704,001,793	686,617,211	9,704,001,793	686,617,211
11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32					
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0	0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9,704,001,793	686,617,211	9,704,001,793	686,617,211
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,445,186,814		1,445,186,814	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		8,258,814,979	686,617,211	8,258,814,979	686,617,211
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)



Lê Thị Hương

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



Lê Thị Hương

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2018



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 1 năm 2018

Mẫu số B03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1 năm 2018	Quý 1 năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	9,704,001,793	686,617,211
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	47,307,693	104,804,781
Các khoản dự phòng	03		(204,218,072)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(834,290,129)	(767,386,397)
Chi phí lãi vay	06		22,177,778
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	8,917,019,357	(158,004,699)
Giảm các khoản phải thu	09	(6,877,128,487)	1,912,746,607
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	94,545,455	(612,514,723)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9,762,718,527)	(971,797,263)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	160,581,524	15,944,266
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	4,984,911,386	(1,829,272,127)
Tiền lãi vay đã trả	14		(22,177,778)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
Chuyển tiền bán cổ phần về Tập đoàn		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(2,482,789,292)	(1,665,075,717)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(37,500,000)	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8,000,000,000)	(42,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	13,500,000,000	49,800,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(956,670,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	966,616,519	767,386,397
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	6,429,116,519	7,610,716,397

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1 năm 2018	Quý 1 năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		6,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6,000,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	3,946,327,227	5,945,640,680
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,818,068,199	2,174,377,047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	9,764,395,426	8,120,017,727

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)



Lê Thị Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Lê Thị Hương

Ngày 20 tháng 04 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Xuân Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** Dịch vụ kinh doanh và đầu tư Bất động sản; Dịch vụ đầu tư tài chính

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Đơn vị trực thuộc của Công ty không thực hiện hạch toán kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

Loại tài sản cố định

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Số năm

04 – 05

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý I năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý I năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	9.764.395.426	403.285.613
Tiền gửi ngân hàng		4.414.782.586
Tiền gửi kỳ hạn < 3 tháng		1.000.000.000
Cộng	<u>9.764.395.426</u>	<u>5.818.068.199</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	2.811.755.764	7.796.667.150
<i>Cổ phiếu</i>		
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(356.680.264)	(356.680.264)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.500.000.000	27.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng</i>	<i>21.500.000.000</i>	<i>27.000.000.000</i>
Cộng	<u>23.955.075.500</u>	<u>34.439.986.886</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>				
Công ty Cổ phần Điện tử Viễn Thông Việt	21.594.000.000	(21.594.000.000)	21.594.000.000	(21.594.000.000)
Các đối tượng khác	90.432.495		3.426.338.381	
Cộng	21.684.432.495	(21.594.000.000)	25.020.338.381	(21.594.000.000)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Công ty TNHH Hoàn Mỹ Gia	46.004.771.796	(46.004.771.796)	46.004.771.796	(46.004.771.796)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	16.393.705.335		6.127.983.198	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.746.942.095	(1.144.295.969)	2.054.418.955	(1.144.295.969)
Cộng	64.145.419.226	(47.149.067.765)	54.187.173.949	(47.149.067.765)

5. Hàng tồn kho

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Hàng hóa Bất động sản	30.455.769.387	(24.949.726.326)	28.618.225.218	(24.949.726.326)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang			111.797.995	
Cộng	30.455.769.387	(24.949.726.326)	28.730.023.213	(24.949.726.326)

6. Phải thu dài hạn khác

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>48.938.240.000</i>	<i>48.938.240.000</i>	<i>48.938.240.000</i>	<i>48.938.240.000</i>
Phải thu từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	41.600.000.000	41.600.000.000	41.600.000.000	41.600.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng 18	26.600.000.000	26.600.000.000	26.600.000.000	26.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Đỏ	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Chí Thành	7.338.240.000	7.338.240.000	7.338.240.000	7.338.240.000
Khác	80.916.003		80.916.003	
Cộng	49.019.156.003	48.938.240.000	49.019.156.003	48.938.240.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

7. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	820.000.000	250.958.184	1.070.958.184
Mua trong năm/kỳ			
Bán trong năm/kỳ			
Số cuối kỳ	820.000.000	250.958.184	1.070.958.184
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	378.461.520	250.958.184	629.419.704
Khấu hao trong kỳ	47.307.693	-	47.307.693
Số cuối kỳ	425.769.213	250.958.184	676.727.397
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	441.538.480	-	441.538.480
Số cuối kỳ	394.230.787	-	394.230.787

8. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	4.500.000.000
Số cuối kỳ	4.500.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	
Tăng do khấu hao trong năm	
Số cuối kỳ	
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.500.000.000
Số cuối kỳ	4.500.000.000

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
<i>Dự án Nhà ở Cán bộ Nhân viên Nhà máy Lọc dầu Dung Quất</i>	3.510.805.388	3.510.805.388	3.510.805.388	3.510.805.388
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
<i>Dự án nhà ở xã hội tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai</i>	130.047.357.459	130.009.857.459	130.009.857.459	130.009.857.459
Cộng	13.558.162.847	133.520.662.847	133.520.662.847	133.520.662.847

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

10. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Aladdin theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần đầu tư PV2. Theo đó Công ty Cổ phần đầu tư PV2 góp 490.000.000 VNĐ tương ứng 49% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Công nghệ Aladdin có vốn điều lệ là 1.000.000.000 VNĐ.

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Công nghệ Aladdin	490.000.000	(144.587.111)	490.000.000	(144.587.111)
Cộng	490.000.000	(144.587.111)	490.000.000	(144.587.111)

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Fortika Nam Trung Yên	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Hợp tác xã Công Nghiệp Đoàn Kết	13.678.080.000	(8.039.511.223)	13.678.080.000	(8.039.511.223)
Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ Vinacomín	4.506.400.000	(4.086.505.000)	4.506.400.000	(4.086.505.000)
Tổng Công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI	5.786.670.000		5.786.670.000	
Cộng	38.971.150.000	(12.126.016.223)	38.971.150.000	(12.126.016.223)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
Chi phí cải tạo toa tàu	81.912.075		81.912.075	
Chi phí sửa chữa VP	76.625.130		76.625.130	
Đồ dùng chưa sử dụng trên tàu	0			0
Khác	20.810.227		2.044.319	18.765.908
Cộng	241.142.380		160.581.524	18.765.908

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
BQL Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.292.852.516	1.292.852.516
Công ty TNHH Tư vấn Sinh Úc		12.363.511.000
Khác	988.462.838	810.000.000
Cộng	2.281.315.354	14.466.363.516

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2018**Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng	595.928.168			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.345.012.426			
Thuế thu nhập cá nhân		24.390.392		10.503.533
Các loại thuế khác	1.724.483.093		25.418.413	
Cộng	3.665.423.687	24.390.392	25.418.413	110.677.921

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	81.654.576	73.047.696
Bảo hiểm xã hội		
Bảo hiểm y tế		
Bảo hiểm thất nghiệp		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.558.451.673	2.558.451.673
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	103.431.808	109.152.529
Cộng	2.743.538.057	2.740.651.898

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý I năm 2018**Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính****16. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	-	(178.915.347.219)	201.128.700.036
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	4.896.042.615	4.896.042.615
Số dư cuối năm trước	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	-	(174.019.304.604)	206.024.742.651
Số dư đầu năm nay	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	-	(174.019.304.604)	206.024.742.651
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	-	-	-	-	8.258.814.979	8.258.814.979
Số dư cuối kỳ này	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	-	(165.760.489.625)	214.283.557.630

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2018**Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	373.500.000.000	373.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.790.387.000	2.790.387.000
Cổ phiếu quỹ	(3.546.600.829)	(3.546.600.829)
Cộng	<u>372.743.786.171</u>	<u>372.743.786.171</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.350.000	37.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.350.000	37.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	481.200	481.200
- Cổ phiếu phổ thông	481.200	481.200
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.868.800	36.868.800
- Cổ phiếu phổ thông	36.868.800	36.868.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ quỹ phúc lợi; Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của doanh nghiệp để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý I năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	829.064.984	5.274.557.900
Doanh thu cho thuê nhà		
Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.239.533.198	154.545.455
Cộng	12.068.598.182	5.429.103.355

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	761.063.060	5.240.106.606
Giá vốn cho thuê nhà		
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	2.538.528.260	
Cộng	3.299.591.320	5.240.106.606

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	534.148.649	288.548.797
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.141.480	584.885.961
Lãi bán chứng khoán	1.592.281.601	404.863.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	2.426.571.730	1.278.297.758

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay		22.177.778
Lỗ bán chứng khoán		
Hoàn nhập/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		(204.218.072)
Chi phí tài chính khác	16.505.929	13.189.775
Cộng	16.505.929	(168.850.519)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	851.531.712	522.331.462
Chi phí đồ dùng văn phòng	89.616.780	39.744.401
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.307.693	47.307.690
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.892.606	199.374.451
Các chi phí khác	208.722.079	137.769.811
Cộng	1.475.070.870	949.527.815

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2017 được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.704.001.793	686.617.211
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Chi phí không được trừ</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(300.141.480)	
<i>Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(300.141.480)	
Thu nhập chịu thuế	9.403.860.313	686.617.211
Lỗi các năm trước được chuyển	(2.177.926.243)	(686.617.211)
Thu nhập tính thuế	7.225.934.070	0
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.445.186.814	-

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.258.814.979	686.617.211
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.258.814.979	686.617.211
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	36.868.800	36.868.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	224	19

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2018**Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính****8. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	36.868.800	36.868.800
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	36.868.800	36.868.800

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Hương

/Kế toán trưởng



Lê Thị Hương

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Hân

